

**BỘ TƯ PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **542**/BTP-TGPL

Hà Nội, ngày **02** tháng 3 năm 2021

V/v lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý

Kính gửi: .....

Thực hiện nhiệm vụ tại Công văn số 11281/VPCP-PL ngày 20/11/2018 Thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng thường trực Trương Hòa Bình về rà soát văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm phù hợp với Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, Bộ Tư pháp đã xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2020, nhằm bảo đảm tiến độ, chất lượng văn bản, Bộ Tư pháp trân trọng đề nghị Quý cơ quan/đơn vị góp ý đối với hồ sơ dự thảo Thông tư. Văn bản góp ý đề nghị gửi về Bộ Tư pháp (qua Cục Trợ giúp pháp lý), 60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội và qua địa chỉ email: [yenph@moj.gov.vn](mailto:yenph@moj.gov.vn) trước ngày **20/3/2021**. Mọi chi tiết đề nghị liên hệ theo số điện thoại: 0916.869.567 (đ/c Yên, chuyên viên Cục Trợ giúp pháp lý).

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan/đơn vị.

(Tài liệu lấy ý kiến được đăng tải trên mục "lấy ý kiến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật" của Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp)./. *kl*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Mai Lương Khôi (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TGPL.

**TL. BỘ TRƯỞNG  
CỤC TRƯỞNG CỤC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**



**Cù Thu Anh**



## DANH SÁCH LẤY Ý KIẾN

1. Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật
2. Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật
3. Học viện tư pháp
4. Vụ Tổ chức cán bộ
5. 63 Sở Tư pháp
6. 63 Trung tâm TGPL nhà nước



## TỜ TRÌNH

### Về dự thảo Thông tư ban hành mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý

---

Kính gửi: Bộ trưởng Lê Thành Long

Thực hiện Kế hoạch công tác năm 2020 đã được Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt tại Quyết định số 230/QĐ-BTP ngày 24/02/2020, Cục Trợ giúp pháp lý đã nghiên cứu xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV), Cục Trợ giúp pháp lý kính trình Bộ trưởng dự thảo Thông tư như sau:

#### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

*Thứ nhất*, Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV không còn phù hợp với quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng trợ giúp pháp lý. Cụ thể:

- Theo quy định tại Điều 19 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 thì các điều kiện để bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý không yêu cầu: (1) có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và (2) có thời gian làm công tác pháp luật từ 02 năm trở lên kể cả thời gian tập sự, thử việc. Tuy nhiên, điểm d khoản 2 và điểm e khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV đang có quy định tiêu chuẩn này.

- Theo quy định tại Thông tư số 12/2018/TT-BTP, đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý là nhiệm vụ của Sở Tư pháp, Cục Trợ giúp pháp lý nhưng Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV đang có quy định trợ giúp viên pháp lý hạng II và trợ giúp viên pháp lý hạng III có nhiệm vụ tham gia đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.

*Thứ hai*, qua 04 năm thực hiện Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV cho thấy một số tiêu chuẩn của trợ giúp viên pháp lý hạng II và trợ giúp viên pháp lý hạng III không phù hợp với tính chất hoạt động nghề nghiệp của hoạt động trợ giúp pháp lý. Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, việc này đòi hỏi người thực hiện trợ giúp pháp lý cần có kiến thức về pháp luật nội dung, đặc biệt là các kỹ năng hành nghề như kỹ năng tư vấn pháp luật, kỹ năng tham gia bào chữa hoặc đại diện trước tòa, kỹ năng tranh tụng, am hiểu về tâm lý của người được trợ giúp pháp lý. Do đó, một số yêu cầu về khả năng nghiên cứu khoa học, có trình độ ngoại ngữ, tin học chưa thật sự cần thiết đối với việc cung cấp dịch vụ pháp lý cho người nghèo và các đối tượng chính sách.

Trong 10 năm qua (từ khi thực hiện Thông tư số 06/2010/TT-BNV) đến nay đã có hơn 600 viên chức được bổ nhiệm và xếp vào chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp pháp lý (gần 60 trợ giúp viên pháp lý hạng II và tương đương, gần 600 trợ giúp viên pháp lý hạng III và tương đương). Thời gian tới, số lượng trợ giúp viên pháp lý hạng II sẽ tăng lên khi có các kỳ thi thăng hạng. Qua quá trình công tác, trợ giúp viên pháp lý hạng II sẽ tích lũy nhiều kiến thức, kinh nghiệm và sẽ đảm đương một số nhiệm vụ đòi hỏi có trình độ chuyên môn cao hơn với vai trò chỉ đạo, tổ chức và một số nhiệm vụ có tính chất phức tạp hơn như: thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý, tham mưu cho Trung tâm trợ giúp pháp lý kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến giải quyết vụ việc trợ giúp pháp lý, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý... Do đó, đặt ra yêu cầu xây dựng chức danh nghề nghiệp hạng I đối với trợ giúp viên pháp lý.

Theo Công văn số 11281/VPCP-PL ngày 20/11/2018 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình về rà soát văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm phù hợp với Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 trong đó Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV thuộc danh mục phải thay thế.

Theo khoản 18 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thì: *Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành có nhiệm vụ ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với các chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc ngành, lĩnh vực quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ.*

*Thứ ba*, ngày 25/9/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thay thế Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012, trong đó quy định nhiệm vụ và quyền hạn của các bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành và nhiệm vụ quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## **II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG THÔNG TƯ**

1. Việc xây dựng Thông tư bảo đảm yêu cầu phát triển đội ngũ trợ giúp viên pháp lý đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có đủ năng lực, trình độ chuyên môn để đáp ứng kịp thời nhu cầu trợ giúp pháp lý ngày càng đa dạng, phức tạp của nhân dân, bảo đảm chất lượng, hiệu quả của công tác trợ giúp pháp lý.

2. Việc ban hành Thông tư phải phù hợp với Luật Viên chức, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, Nghị định số 115/2012/NĐ-CP, Thông tư số 12/2012/TT-BNV, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, tạo cơ sở pháp lý cụ thể, thuận lợi cho việc thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước đối với viên chức trợ giúp pháp lý.

3. Quy định các tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của các chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý phù hợp với quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành, kế thừa những quy định còn phù hợp của Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV.

4. Các chứng chỉ, bằng cấp phải thực sự phục vụ công tác chuyên môn, mang tính khả thi, tháo gỡ khó khăn cho việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hoặc thăng hạng trợ giúp viên pháp lý tại các địa phương.

5. Quy định về nhiệm vụ của các chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý phải phù hợp với đặc thù công việc của viên chức, cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG**

Trong quá trình xây dựng, Cục Trợ giúp pháp lý đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các hoạt động sau đây:

1. Đánh giá thực trạng triển khai Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc của các Trung tâm trợ giúp pháp lý trong quá trình triển khai thi hành và các nội dung đề xuất của địa phương đối với dự thảo Thông tư.

2. Thành lập Tổ soạn thảo Thông tư và tổ chức 02 cuộc họp Tổ soạn thảo.
3. Tổ chức Hội nghị góp ý dự thảo Thông tư.
4. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Trung tâm trợ giúp pháp lý các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan về nội dung dự thảo Thông tư.
5. Đăng tải dự thảo Thông tư trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tư pháp theo quy định.
6. Ngày ....., Bộ Tư pháp đã tổ chức thẩm định dự thảo Thông tư.

Trên cơ sở báo cáo thẩm định số ..../BC-VĐCXDPL ngày ..... của Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Cục Trợ giúp pháp lý chính lý dự thảo Thông tư và các tài liệu kèm theo trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký ban hành.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ**

##### **1. Bố cục của Thông tư**

Dự thảo Thông tư gồm 4 chương, 11 Điều. Chương I quy định về Những quy định chung, chương II quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, chương III hướng dẫn bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp, chương IV về Điều khoản thi hành.

##### **2. Những nội dung cơ bản của Thông tư**

###### *2.1. Phân hạng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý (Điều 2)*

Dự thảo Thông tư bổ sung trợ giúp viên pháp lý hạng I và kế thừa 2 hạng theo Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV.

###### *2.2. Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của viên chức trợ giúp viên pháp lý (Điều 3)*

Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của viên chức trợ giúp viên pháp lý kế thừa Điều 3 Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV.

###### *2.3. Về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học*

Từ những bất cập trong quy định về yêu cầu trình độ đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ và tin học của viên chức nói chung và trợ giúp viên nói riêng, đồng thời tham khảo một số Thông tư của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành trong năm 2020 quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành giáo dục (Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT ngày 01/10/2020), dự thảo Thông tư không



quy định tiêu chuẩn cụ thể về trình độ ngoại ngữ, tin học đối với trợ giúp viên pháp lý. Tuy nhiên, mỗi viên chức trợ giúp viên pháp lý đều phải bảo đảm năng lực để đáp ứng nhiệm vụ của chức danh mình đang giữ, do đó, dự thảo Thông tư quy định theo hướng mỗi chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý phải có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh mình được bổ nhiệm.

#### *2.4. Tiêu chuẩn chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng I (Điều 4)*

Tiêu chuẩn này được xây dựng mới theo hướng đây là hạng cao nhất trong hệ thống chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý, cụ thể:

- Về nhiệm vụ (khoản 1 Điều 4) dự thảo Thông tư quy định trợ giúp viên pháp lý hạng I có nhiệm vụ chủ trì, tổ chức thực hiện một số công việc và trực tiếp thực hiện những nhiệm vụ có tính chuyên môn cao như: Thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý do trợ giúp viên pháp lý hạng II, trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác thực hiện; Tổ chức rà soát, nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý; tham mưu cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề có liên quan đến quan việc giải quyết vụ việc trợ giúp pháp lý.

- Về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (khoản 2 Điều 4): dự thảo Thông tư quy định các tiêu chuẩn bắt buộc đối với việc bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý nói chung; yêu cầu có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng I.

- Về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (khoản 3 Điều 4): dự thảo Thông tư quy định 07 tiêu chuẩn về năng lực thể hiện khả năng hiểu biết sâu hơn, rộng hơn, năng lực thực hiện nhiệm vụ của chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng I cao hơn so với chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II để bảo đảm đảm nhận nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp pháp lý cao nhất. Khoản 3 Điều 4 yêu cầu trợ giúp viên pháp lý hạng I thực hiện ít nhất 02 vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tổ tụng thành công. Quy định mới này thể hiện khả năng, năng lực chuyên môn cao của trợ giúp viên pháp lý hạng I.

Về thời gian công tác, dự thảo quy định viên chức thăng hạng từ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II lên chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng I phải có thời gian giữ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II hoặc tương đương tối thiểu

đủ 06 (sáu) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II tối thiểu đủ 01 (một) năm.

#### *2.5. Tiêu chuẩn chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II (Điều 5)*

Về cơ bản quy định trong dự thảo Thông tư kế thừa nội dung của Điều 4 Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV, có sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, các văn bản hướng dẫn thi hành và tính chất công việc trợ giúp pháp lý.

- Về nhiệm vụ (khoản 1 Điều 5), nội dung này trong dự thảo Thông tư kế thừa 06 nhóm nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV, thể hiện tính chuyên môn hoá sâu hơn, yêu cầu cao hơn và mức độ phức tạp hơn so với trợ giúp viên pháp lý hạng III. Theo quy định tại Thông tư số 12/2018/TT-BTP thì đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý là nhiệm vụ của Cục Trợ giúp pháp lý và Sở Tư pháp và tính chất của hoạt động trợ giúp pháp lý là cung cấp dịch vụ công, không đòi hỏi người cung cấp dịch vụ có nhiệm vụ nghiên cứu khoa học nên quy định này đã lược bỏ 02 nhiệm vụ: (1) Tổ chức đánh giá, giám sát và tham gia đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý được phân công; hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá chất lượng vụ việc cho trợ giúp viên pháp lý hạng III và những người được phân công đánh giá chất lượng khác theo quy định; (2) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn thực hiện trợ giúp pháp lý và đề xuất các giải pháp đổi mới nâng cao chất lượng công tác trợ giúp pháp lý, đồng thời bổ sung nhiệm vụ *“thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý của trợ giúp viên pháp lý hạng II, trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác theo phân công”*.

- Về tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (khoản 2 Điều 5): dự thảo Thông tư kế thừa tiêu chuẩn có bằng cử nhân luật trở lên điều này bổ sung 02 tiêu chuẩn (1) có chứng chỉ đào tạo nghề luật sư hoặc thuộc trường hợp được miễn đào tạo nghề luật sư (2) có giấy chứng nhận kết quả tập sự luật sư hoặc kiểm tra tập sự trợ giúp pháp lý để phù hợp với Điều 19 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. Đồng thời, tiêu chuẩn *“có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý”* được thay thế bằng tiêu chuẩn *“có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng II”*.

- Về tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (khoản 3 Điều 5): dự thảo quy định 06 tiêu chuẩn về năng lực thể hiện khả năng hiểu biết sâu hơn, rộng

hơn, năng lực thực hiện nhiệm vụ của chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II cao hơn so với chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III. Tương ứng với quy định về nhiệm vụ, điều này đã lược bỏ tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu khoa học và đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý. Khoản 4 Điều 5 bổ sung yêu cầu trợ giúp viên pháp lý hạng II thực hiện ít nhất 01 vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tổ tụng thành công.

Về thời gian công tác, dự thảo quy định viên chức thăng hạng từ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III lên chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II phải có thời gian giữ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III hoặc tương đương tối thiểu đủ 09 (chín) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III tối thiểu đủ 01 (một) năm.

#### *2.4. Tiêu chuẩn chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III (Điều 6)*

Quy định của Điều 6 dự thảo kế thừa những nội dung còn phù hợp của Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV, có một số nội dung sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

- Về nhiệm vụ (khoản 1 Điều 6), quy định 04 nhóm nhiệm vụ phù hợp với chức trách của chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III trong việc trực tiếp thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý được phân công, thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và các nhiệm vụ khác theo phân công. Tương tự như nhiệm vụ của trợ giúp viên pháp lý hạng II, điều này lược bỏ quy định về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý để phù hợp với Thông tư 12/2018/TT-BTP và tính chất nghề nghiệp trợ giúp pháp lý.

- Về tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (khoản 2 Điều 6): quy định 03 tiêu chuẩn, trong đó kế thừa tiêu chuẩn có bằng cử nhân luật trở lên; bỏ quy định về trình độ ngoại ngữ và trình độ tin học. Ngoài ra, điều này bổ sung 02 tiêu chuẩn (1) có chứng chỉ đào tạo nghề luật sư hoặc thuộc trường hợp được miễn đào tạo nghề luật sư (2) có giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự luật sư hoặc kiểm tra tập sự trợ giúp pháp lý và không quy định tiêu chuẩn “có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý” để phù hợp với Điều 19 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.

- Về tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (khoản 3 Điều 6): quy định kế thừa 04 tiêu chuẩn tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV và bỏ quy định về năng lực đánh giá chất lượng vụ

việc trợ giúp pháp lý và nghiên cứu khoa học tương ứng với quy định về nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp này.

#### *2.5. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý (Điều 8)*

Thực tế ở địa phương, còn một số trường hợp viên chức đã được bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý nhưng địa phương chưa thực hiện việc chuyển xếp vào chức danh nghề nghiệp theo Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV, do đó dẫn đến tình trạng không đủ điều kiện thi thăng hạng trợ giúp viên pháp lý. Ngoài ra, một số trợ giúp viên pháp lý giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương nhưng chưa chuyển xếp vào ngạch trợ giúp viên pháp lý chính theo quy định tại Thông tư liên tịch số 23/2011/TTLT-BTP-BNV ngày 08/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ nên chưa bổ nhiệm vào chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV. Để giải quyết khó khăn này dự thảo Thông tư quy định các trường hợp đã bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý theo Nghị định số 07/2007/NĐ-CP hoặc đã được chuyển xếp vào ngạch trợ giúp viên pháp lý chính, trợ giúp viên pháp lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 23/2011/TTLT-BTP-BNV hoặc các viên chức đang giữ ngạch chuyên viên hoặc chuyên viên chính được bổ nhiệm vào các chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư này. Cụ thể:

1. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng I (mã số.....) đối với người đã hoặc đang giữ ngạch chuyên viên cao cấp (mã số 01.001) hoặc tương đương.

2. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng II (mã số V02.01.01) đối với người đã hoặc đang giữ ngạch trợ giúp viên pháp lý chính (mã số 03.289) và người đã hoặc đang giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương.

3. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng III (mã số V02.01.02) đối với người đã hoặc đang giữ ngạch trợ giúp viên pháp lý (mã số 03.290) và người đã hoặc đang giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương.

#### *2.5. Cách xếp lương (Điều 9)*

Điều này bổ sung quy định về xếp lương đối với trợ giúp viên pháp lý hạng I, cụ thể: chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng I được áp dụng hệ

số lương viên chức loại A3, nhóm A3.1. (từ hệ số lương từ 6.20 đến hệ số lương 8.00).

#### *2.6. Tổ chức thực hiện (Điều 10)*

Điều này giao trách nhiệm cho Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý và Bộ Tư pháp phù hợp với quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Ngoài ra, dự thảo Thông tư còn quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1); hiệu lực và trách nhiệm thi hành (Điều 11) giao trách nhiệm cho cơ quan, cá nhân, tổ chức có liên quan và quy định Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV.

#### *Nơi nhận:*

- Như trên;
- Thứ trưởng Mai Lương Khôi (để báo cáo);
- Các Phó Cục trưởng (để biết);
- Lưu VT, CS&QLNV.

**CỤC TRƯỞNG**

**Cù Thu Anh**



**BỘ TƯ PHÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2020/TT-BTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**THÔNG TƯ**

**Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức trợ  
giúp viên pháp lý**

*Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý ngày 20 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý;*

*Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý.*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trợ giúp viên pháp lý.

2. Thông tư này áp dụng đối với viên chức trợ giúp viên pháp lý làm việc tại các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

#### **Điều 2. Mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý**

1. Trợ giúp viên pháp lý hạng I - Mã số: .....

2. Trợ giúp viên pháp lý hạng II - Mã số: .....

3. Trợ giúp viên pháp lý hạng III - Mã số: .....

## **Chương II**

### **TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

#### **Điều 3. Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của viên chức trợ giúp viên pháp lý**

1. Thực hiện theo các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của viên chức Ngành Tư pháp.

2. Thực hiện theo các quy định, quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý.

#### **Điều 4: Trợ giúp viên pháp lý hạng I – Mã số: .....**

1. *Nhiệm vụ*

a) *Thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý;*



b) Thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý do trợ giúp viên pháp lý hạng I, trợ giúp viên pháp lý hạng II, trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác thực hiện;

c) Tham mưu cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ việc trợ giúp pháp lý;

d) Chủ trì nghiên cứu, xây dựng hoặc tổ chức thực hiện văn bản, chương trình, kế hoạch trợ giúp pháp lý;

đ) Tổ chức biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý;

e) Tổ chức hoặc tham gia bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng trợ giúp pháp lý cho trợ giúp viên pháp lý hạng I, trợ giúp viên pháp lý hạng II, trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác;

g) Tổ chức rà soát, nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý và đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công.

## 2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng cử nhân luật trở lên;

b) Có chứng chỉ đào tạo nghề luật sư hoặc thuộc trường hợp được miễn đào tạo nghề luật sư;

c) Có giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự luật sư hoặc kiểm tra tập sự trợ giúp pháp lý;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng I.

## 3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững và có năng lực vận dụng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác trợ giúp pháp lý;

b) Có kiến thức sâu, rộng về các lĩnh vực pháp luật có liên quan đến trợ giúp pháp lý;

c) Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ trợ giúp pháp lý; chủ trì triển khai có hiệu quả các hoạt động trợ giúp pháp lý;

d) Được Cục Trợ giúp pháp lý xác định có ít nhất 02 vụ việc trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực tố tụng thành công;

đ) Có kỹ năng soạn thảo văn bản kiến nghị về các vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ việc trợ giúp pháp lý;

e) Có năng lực hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng trợ giúp pháp lý cho trợ giúp viên pháp lý hạng II, trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác;

g) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giúp viên pháp lý (hạng I);

h) Viên chức thăng hạng từ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II lên chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng I phải có thời gian giữ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II hoặc tương đương tối thiểu đủ 06 (sáu) năm, trong đó thời gian giữ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II tối thiểu là 01 (một) năm.

## **Điều 5. Trợ giúp viên pháp lý hạng II - Mã số:**

### **1. Nhiệm vụ**

a) Thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý;

b) Thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý của trợ giúp viên pháp lý hạng II, trợ giúp viên pháp lý hạng III, người thực hiện trợ giúp pháp lý khác theo sự phân công;

c) Nghiên cứu, xây dựng hoặc tổ chức thực hiện văn bản, chương trình, kế hoạch trợ giúp pháp lý; tham gia xây dựng các văn bản, chương trình, kế hoạch trợ giúp pháp lý được phân công;

đ) Tổ chức hoặc tham gia biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý;

e) Tổ chức hoặc tham gia bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng trợ giúp pháp lý cho trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

## 2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng cử nhân luật trở lên;

*b) Có chứng chỉ đào tạo nghề luật sư hoặc thuộc trường hợp được miễn đào tạo nghề luật sư;*

*c) Có giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự luật sư hoặc kiểm tra tập sự trợ giúp pháp lý;*

*d) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng II.*

## 3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững và có năng lực vận dụng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác trợ giúp pháp lý;

b) Có kiến thức rộng về hệ thống pháp luật và chuyên sâu về lĩnh vực pháp luật được phân công;

c) Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ trợ giúp pháp lý; triển khai có hiệu quả các hoạt động trợ giúp pháp lý;

*d) Được Cục Trợ giúp pháp lý xác định có ít nhất 01 vụ việc trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực tố tụng thành công;*

đ) Có năng lực hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng trợ giúp pháp lý cho trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác;

*e) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giúp viên pháp lý (hạng II);*

g) Viên chức thăng hạng từ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III lên chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II phải có thời gian giữ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III hoặc tương đương tối thiểu đủ 09 (chín) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III tối thiểu đủ 01 (một) năm.

**Điều 6. Trợ giúp viên pháp lý hạng III - Mã số: V.....**

1. Nhiệm vụ

a) Thực hiện trợ giúp pháp lý *theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý*;

b) *Thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý theo sự phân công*;

c) Tham gia nghiên cứu, xây dựng chương trình, kế hoạch, văn bản trợ giúp pháp lý ở địa phương; tham gia biên soạn chương trình, tài liệu hoặc tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý theo phân công;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng cử nhân luật trở lên;

b) *Có chứng chỉ đào tạo nghề luật sư hoặc thuộc trường hợp được miễn đào tạo nghề luật sư*;

c) *Có giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự luật sư hoặc kiểm tra tập sự trợ giúp pháp lý*;

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Có năng lực vận dụng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác trợ giúp pháp lý;

b) Có kiến thức, hiểu biết sâu về lĩnh vực pháp luật trợ giúp pháp lý được phân công; thực hiện thành thạo các nghiệp vụ trợ giúp pháp lý; độc lập, chủ động triển khai các hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý;

c) Có năng lực hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng trợ giúp pháp lý cho người thực hiện trợ giúp pháp lý;

d) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giúp viên pháp lý (hạng III).

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, sỹ quan Quân đội nhân dân, sỹ quan Công an nhân dân công tác ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác chuyển sang tổ chức trợ giúp pháp lý thì phải có thời gian ít nhất 01 (một) năm giữ ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp, cấp hàm tương đương chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III.

### **Chương III**

## **HƯỚNG DẪN BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

**Điều 7. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trợ giúp viên pháp lý**

1. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trợ giúp viên pháp lý phải bảo đảm đáp ứng đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm.

2. Khi bổ nhiệm từ ngạch viên chức hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

**Điều 8. Các trường hợp bổ nhiệm chuyển từ chức danh tương đương vào chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý**

Viên chức được bổ nhiệm chức danh trợ giúp viên pháp lý mà đã hoặc đang giữ chức danh khác, nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý như sau:

1. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng I (mã số.....) đối với người đã hoặc đang giữ ngạch chuyên viên cao cấp (mã số 01.001) hoặc tương đương.

2. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng II (mã số.....) đối với người đã hoặc đang giữ ngạch trợ giúp viên pháp lý chính (mã số 03.289) và người đã hoặc đang giữ ngạch chuyên viên chính (01.002) hoặc tương đương.

3. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng III (mã số.....) đối với người đã hoặc đang giữ ngạch trợ giúp viên pháp lý (mã số 03.290) và người đã hoặc đang giữ ngạch chuyên viên (01.003) hoặc tương đương.

### **Điều 9. Cách xếp lương**

1. Chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng I được áp dụng hệ số lương viên chức loại A3, nhóm A3.1 (từ hệ số lương từ 6.20 đến hệ số lương 8.00);

b) Chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng II được áp dụng hệ số lương viên chức loại A2, nhóm A2.1 (từ hệ số lương từ 4,40 đến hệ số lương 6,78);

c) Chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng III được áp dụng bảng lương viên chức loại A1 (từ hệ số lương từ 2,34 đến hệ số lương 4,98).

2. Việc xếp lương vào chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định tại khoản 1 Điều này đối với viên chức đã được xếp lương vào các ngạch theo quy định tại Thông tư số 06/2010/TT-BNV ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số các ngạch viên chức trợ giúp viên

pháp lý, Nghị định số 204/2004/NĐ-CP và Nghị định số 17/2013/NĐ-CP, được thực hiện như sau:

Trường hợp viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp có hệ số bậc lương bằng ở ngạch cũ thì thực hiện xếp ngang bậc lương và % (phần trăm) phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ (kể cả tính thời gian xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung nếu có ở ngạch cũ) vào chức danh nghề nghiệp mới được bổ nhiệm.

3. Viên chức sau khi được thăng hạng, đã được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư này được xếp lương theo hướng dẫn tại khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 10. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trợ giúp viên pháp lý.

2. Bộ Tư pháp có trách nhiệm:

a) Quy định chi tiết về nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan xây dựng chế độ, chính sách đặc thù đối với viên chức trợ giúp viên pháp lý trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

c) Tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý hạng I.

Cục Trợ giúp pháp lý là đơn vị đầu mối giúp Bộ Tư pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.

*Giao Học viện tư pháp chủ trì, phối hợp với Cục Trợ giúp pháp lý xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng các chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý theo quy định.*

### **Điều 11. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021 và thay thế Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý.

2. Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Thông tư này./.

#### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các hội, đoàn thể;
- Vụ Pháp luật, Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục TGPL.

**BỘ TRƯỞNG**

**Lê Thành Long**